

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển
trình độ thạc sĩ năm 2025 đợt 1**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 2699/QĐ-BNN-TCCB ngày 30/6/2016 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 2268/NQ-HĐT ngày 27/12/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1908/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 08/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ kết quả xét tuyển trình độ thạc sĩ năm 2025 đợt 1;

Căn cứ biên bản và kết luận của Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2025 đợt 1;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển trình độ thạc sĩ năm 2025 đợt 1 cho 86 thí sinh thuộc 05 ngành, cụ thể như sau:

- Kỹ thuật Chế biến lâm sản (Mã số: 8549001): 02 thí sinh.
- Lâm học-tiếng Anh (Mã số: 8620201): 03 thí sinh.
- Ngành Quản lý tài nguyên rừng (Mã số: 8620211): 16 thí sinh.
- Ngành Quản lý đất đai (Mã số: 8850103): 18 thí sinh
- Ngành Quản lý kinh tế (Mã số: 8310110): 47 thí sinh.

(Có danh sách thí sinh trúng tuyển kèm theo)

Điều 2. Thí sinh có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 có nghĩa vụ và quyền lợi theo Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, Trường phòng Đào tạo sau đại học, Trường các đơn vị thuộc Trường có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng;
- PHTr. phụ trách SDH;
- Lưu: VT, ĐTSDH.



Phạm Văn Diễm



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2025 ĐỢT 1
(Kèm theo QĐ số 596/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 05/5/2025 của Hiệu trưởng Trường ĐHLN)

1-Ngành: Kỹ thuật Chế biến lâm sản - Mã số: 8549001 - CTĐT Theo định hướng nghiên cứu

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi Sinh	Chương trình bổ sung kiến thức	Năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 3/6	ĐIỂM XÉT TUYỂN (Thang điểm 10)		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	Ngô Nguyễn Phát Đạt	15/02/2001	Nam	Đồng Nai	Không phải học BSKT	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
2	Vũ Xuân Lãng	16/11/1981	Nam	Nam Định	Không phải học BSKT	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	

Danh sách này gồm có 2 thí sinh.

2-Ngành: Lâm học - Mã số: 8620201 - CTĐT Theo định hướng nghiên cứu

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi Sinh	Chương trình bổ sung kiến thức	Năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 3/6	ĐIỂM XÉT TUYỂN (Thang điểm 10)		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	Nguyễn Việt Cường	06/03/1994	Nam	Phú Thọ	Không phải học BSKT	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
2	Nguyễn Thùy Dương	12/05/1997	Nữ	Hà Nội	Không phải học BSKT	Đạt	7.00	Bảy	
3	Chit San Ko	27/05/1991	Nam	Myanmar	Không phải học BSKT	Đạt	7.50	Bảy phẩy lăm	

Danh sách này gồm có 3 thí sinh.

3-Ngành: Quản lý tài nguyên rừng - Mã số: 8620211 - CTĐT Theo định hướng ứng dụng

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi Sinh	Chương trình bổ sung kiến thức	Năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 3/6	ĐIỂM XÉT TUYỂN (Thang điểm 10)		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	Vũ Tuấn Anh	07/07/2000	Nam	Hà Nội	Không phải học BSKT	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
2	Nguyễn Đình Guom	05/03/1995	Nam	Quảng Ninh	Không phải học BSKT	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
3	Phạm Duy Khánh	08/02/1993	Nam	Hải Dương	Không phải học BSKT	Đạt	7.50	Bảy phẩy lăm	
4	Nguyễn Hà Lâm	05/11/1987	Nam	Nam Định	Không phải học BSKT	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
5	Nguyễn Đức Long	04/09/1994	Nam	Hà Nội	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
6	Lê Xuân Luân	01/04/1991	Nam	Thanh Hóa	Đã hoàn thành	Đạt	7.50	Bảy phẩy lăm	
7	Vì Văn Mạnh	02/12/2002	Nam	Sơn La	Không phải học BSKT	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
8	Phạm Văn Ngân	08/08/1984	Nam	Nam Định	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
9	Poông Văn Ngọc	25/10/2001	Nam	Lai Châu	Không phải học BSKT	Đạt	5.00	Năm	
10	Sỹ Thị Ngọc	20/05/2000	Nữ	Hà Nội	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
11	Nguyễn Huy Thành	07/02/1998	Nam	Hải Phòng	Đã hoàn thành	Đạt	7.00	Bảy	
12	Phạm Khánh Thiện	28/11/2002	Nam	Lai Châu	Không phải học BSKT	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
13	Vũ Văn Tuấn	22/08/1981	Nam	Hưng Yên	Đã hoàn thành	Đạt	7.50	Bảy phẩy lăm	
14	Lê Thành Duy	02/01/1990	Nam	Đồng Nai	Không phải học BSKT	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
15	Võ An Giang	03/01/1989	Nam	Nghệ An	Không phải học BSKT	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
16	Nguyễn Văn Thông	19/07/1988	Nam	Bình Định	Không phải học BSKT	Đạt	7.50	Bảy phẩy lăm	

Danh sách này gồm có 16 thí sinh.

4-Ngành: Quản lý đất đai - Mã số: 8850103 - CTĐT Theo định hướng ứng dụng

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi Sinh	Chương trình bổ sung kiến thức	Năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 3/6	ĐIỂM XÉT TUYỂN (Thang điểm 10)		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	Hoàng Thị Hải	27/01/1981	Nữ	Hà Nội	Đã hoàn thành	Đạt	6.00	Sáu	
2	Nguyễn Thị Thu Hằng	30/01/1986	Nữ	Quảng Ninh	Đã hoàn thành	Đạt	5.50	Năm phẩy lăm	
3	Vũ Thị Hoa	31/08/1990	Nữ	Hà Nội	Đã hoàn thành	Đạt	7.50	Bảy phẩy lăm	
4	Nguyễn Thị Hồng	21/03/1989	Nữ	Hà Nội	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
5	Nguyễn Phương Nam	04/12/1980	Nam	Hà Nội	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
6	Đặng Đình Quang	12/12/1983	Nam	Bắc Giang	Không phải học BSKT	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
7	Phùng Đình Quang	02/07/1980	Nam	Hà Nội	Đã hoàn thành	Đạt	5.50	Năm phẩy lăm	
8	Tạ Hồng Quang	25/10/2000	Nam	Hà Nội	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
9	Đỗ Văn Tình	12/08/1982	Nam	Hà Nội	Đã hoàn thành	Đạt	5.50	Năm phẩy lăm	
10	Nghiêm Văn Đan	08/10/1998	Nam	Thanh Hóa	Không phải học BSKT	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
11	Bùi Minh Hiếu	13/01/1991	Nam	Đồng Nai	Đã hoàn thành	Đạt	5.00	Năm	
12	Quảng Hoàng Huynh	01/01/1986	Nam	Đồng Nai	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
13	Đinh Hồng Phát	14/09/1985	Nam	Đồng Nai	Không phải học BSKT	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
14	Nguyễn Văn Quyền	22/12/1992	Nam	Đồng Nai	Đã hoàn thành	Đạt	5.50	Năm phẩy lăm	
15	Đào Xuân Tiến	22/12/1987	Nam	Bến Tre	Đã hoàn thành	Đạt	5.50	Năm phẩy lăm	
16	Huỳnh Thanh Trà	05/09/1999	Nữ	Đồng Nai	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
17	Nguyễn Thị Thanh Trúc	01/06/1995	Nữ	TP. HCM	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
18	Nguyễn Công Tuấn	18/06/2001	Nam	Bà Rịa-VT	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	

Danh sách này gồm có 18 thí sinh.

5-Ngành: Quản lý kinh tế - Mã số: 8310110 - CTĐT Theo định hướng ứng dụng

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Chương trình bổ sung kiến thức	Năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 3/6	ĐIỂM XÉT TUYỂN (Thang điểm 10)		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	Đinh Thị Phương Anh	15/01/1984	Nữ	Ninh Bình	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
2	Lê Thị Hà Chi	17/05/1998	Nữ	Hà Nội	Đã hoàn thành	Đạt	5.00	Năm điểm chẵn	
3	Mê Thị Ngọc Diệp	12/10/1992	Nữ	Sơn La	Đã hoàn thành	Đạt	7.50	Bảy phẩy lăm	
4	Nguyễn Diệu Thùy Dương	07/05/2002	Nữ	Hà Nội	Không phải học BSKT	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
5	Bùi Thượng Hải	27/07/1985	Nam	Hà Nội	Không phải học BSKT	Đạt	5.50	Năm phẩy lăm	
6	Vương Thị Hằng	23/10/1981	Nữ	Hà Nội	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
7	Nguyễn Thị Hiền	08/03/1983	Nữ	Hà Nội	Đã hoàn thành	Đạt	5.50	Năm phẩy lăm	
8	Bùi Đức Hoàng	18/10/1999	Nam	Hòa Bình	Đã hoàn thành	Đạt	6.00	Sáu	
9	Phùng Mạnh Hùng	28/10/1982	Nam	Hòa Bình	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
10	Nguyễn Thị Hường	07/07/1983	Nữ	Thái Nguyên	Đã hoàn thành	Đạt	5.50	Năm phẩy lăm	
11	Nguyễn Thị Huyền	01/11/1996	Nữ	Hà Nội	Đã hoàn thành	Đạt	7.00	Bảy	
12	Nguyễn Hoàng Lan	30/04/2001	Nữ	Hòa Bình	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
13	Lê Thị My	01/12/1989	Nữ	Hà Nội	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
14	Lê Thị Mỹ	29/11/1994	Nữ	Hà Nội	Đã hoàn thành	Đạt	7.50	Bảy phẩy lăm	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Chương trình bổ sung kiến thức	Năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 3/6	ĐIỂM XÉT TUYỂN (Thang điểm 10)		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
15	Phạm Thị Ngân	23/08/1988	Nữ	Sơn La	Đã hoàn thành	Đạt	7.50	Bảy phẩy lăm	
16	Lê Văn Thành	02/07/1992	Nam	Hà Nội	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
17	Vũ Minh Thúy	02/05/1993	Nữ	Hà Nội	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
18	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	27/10/1984	Nữ	Bắc Giang	Đã hoàn thành	Đạt	7.50	Bảy phẩy lăm	
19	Vương Thị Thanh Xuân	02/01/1986	Nữ	Hà Nội	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
20	Lương Thế Anh	19/01/2002	Nam	Đồng Nai	Đã hoàn thành	Đạt	5.00	Năm	
21	Phạm Thị Ngọc Bích	20/02/1981	Nữ	Đồng Tháp	Đã hoàn thành	Đạt	5.50	Năm phẩy lăm	
22	Mã Thanh Điền	25/12/1976	Nữ	Long An	Đã hoàn thành	Đạt	5.50	Năm phẩy lăm	
23	Nguyễn Thị Dung	17/11/1978	Nữ	Tiền Giang	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
24	Phạm Trường Giang	08/09/1985	Nam	Nam Định	Đã hoàn thành	Đạt	5.50	Năm phẩy lăm	
25	Văn Thủy Giang	04/07/1993	Nữ	Thái Nguyên	Đã hoàn thành	Đạt	5.50	Năm phẩy lăm	
26	Phạm Minh Hiếu	13/01/1990	Nam	Tiền Giang	Đã hoàn thành	Đạt	7.50	Bảy phẩy lăm	
27	Phạm Thanh Hùng	10/10/1976	Nam	Đồng Tháp	Đã hoàn thành	Đạt	6.00	Sáu	
28	Lê Thị Huyền	12/06/1986	Nữ	Nam Định	Đã hoàn thành	Đạt	5.00	Năm	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Chương trình bổ sung kiến thức	Năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 3/6	ĐIỂM XÉT TUYỂN (Thang điểm 10)		Ghi chú
								Bảng số	Bảng chữ	
29	Đại Ngọc	Khánh	13/11/1992	Nam	Tây Ninh	Đã hoàn thành	Đạt	7.00	Bảy	
30	Nguyễn Thị	Nga	15/02/2000	Nữ	Đồng Nai	Đã hoàn thành	Đạt	7.00	Bảy	
31	Nguyễn Thanh Hoài	Nguyên	19/08/2001	Nữ	Đồng Nai	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
32	Nguyễn Thị Ngọc	Nhiều	18/11/1984	Nữ	Tiền Giang	Đã hoàn thành	Đạt	5.50	Năm phẩy lăm	
33	Ngô Thị Hồng	Phương	25/01/1980	Nữ	Đồng Tháp	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
34	Lê Phú	Quý	12/05/1999	Nam	Đồng Nai	Đã hoàn thành	Đạt	5.00	Năm	
35	Lưu Chí	Sang	09/09/1995	Nam	Đồng Nai	Đã hoàn thành	Đạt	6.00	Sáu	
36	Huỳnh Kim	Thạch	09/09/1984	Nam	Đồng Nai	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
37	Trần Đức	Thắng	18/04/1970	Nam	Đồng Tháp	Đã hoàn thành	Đạt	5.00	Năm	
38	Thái Hoàng	Thanh	14/08/1979	Nam	Tiền Giang	Đã hoàn thành	Đạt	5.00	Năm điểm	
39	Võ Đại	Thành	04/12/1992	Nam	Đồng Nai	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
40	Nguyễn Thái	Thuận	26/03/1996	Nam	Đồng Nai	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	
41	Phạm Thị Bích	Tiên	12/12/1998	Nữ	Đồng Nai	Đã hoàn thành	Đạt	7.50	Bảy phẩy lăm	
42	Lê Trung	Trực	28/01/1983	Nam	Đồng Tháp	Đã hoàn thành	Đạt	6.50	Sáu phẩy lăm	



TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Chương trình bổ sung kiến thức	Năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 3/6	ĐIỂM XÉT TUYỂN (Thang điểm 10)		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
43	Lê Huỳnh Minh Tuấn	09/02/2001	Nam	Đồng Nai	Đã hoàn thành	Đạt	7.00	Bảy	
44	Phạm Thị Tuyết	05/10/1987	Nữ	Nghệ An	Đã hoàn thành	Đạt	7.50	Bảy phẩy lăm	
45	Phan Văn Út	26/02/1974	Nam	Đồng Tháp	Đã hoàn thành	Đạt	5.50	Năm phẩy lăm	
46	Phạm Thị Thúy Vi	15/08/1983	Nữ	Đồng Tháp	Đã hoàn thành	Đạt	5.50	Năm phẩy lăm	
47	Ngô Thị Thanh Xuân	18/03/1985	Nữ	Đồng Tháp	Đã hoàn thành	Đạt	5.50	Năm phẩy lăm	

Danh sách này gồm có 47 thí sinh.

Bảng tổng hợp

TT	Ngành	Số lượng
1	Kỹ thuật chế biến lâm sản	2
2	Lâm học-TA	3
3	Quản lý tài nguyên rừng	16
4	Quản lý đất đai	18
5	Quản lý kinh tế	47
	<u>Tổng</u>	<u>86</u>